SỞ Y TẾ TỈNH AN GIANG **TTYT GIỒNG RIỀNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 366/QĐ-TTYT	*Giồng Riềng, ngày 16 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm hoá chất và vật tư xét nghiệm bổ sung theo hình thức chào giá trực tuyến rút gọn năm 2026

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ GIỒNG RIỀNG

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023. được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 08 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 349/2026/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Nghị định 104/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ Quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điều 40 luật ngân sách nhà nước;

Nghị định số 349/2026/NĐ-CP của Chính phủ: Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Thông tư 40/2025/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2025 của Bộ Y tế quy định về đấu thầu thuốc tại cơ sở y tế công lập;

Thông tư 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 3670/QĐ-SYT ngày 25/12/2025 của Sở Y tế tỉnh An Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 đối với các đơn vị trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng mua sắm của Trung tâm Y tế Giồng Riềng;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TTYT ngày 13/11/2026 về việc Phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí Mua sắm hoá chất và vật tư xét nghiệm bổ sung theo hình thức chào giá trực tuyến rút gọn năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng khoa Dược – Vật tư, thiết bị y tế Trung tâm Y tế Giồng Riềng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, dự toán: Mua sắm hoá chất và vật tư xét nghiệm bổ sung theo hình thức chào giá trực tuyến rút gọn năm 2026, với nội dung chi tiết Kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao Khoa dược – Vật tư, thiết bị y tế, Tổ chuyên gia (theo Quyết định số 615/QĐ-TTYT ngày 5/8/2026) chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt, đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành; đảm bảo khả năng thanh toán khi gói thầu được thực hiện.

Điều 3. Các Khoa, Phòng trực thuộc Trung tâm Y tế Giồng Riềng, Tổ giúp việc và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT, DVTTBYT.

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM Y TẾ GIỒNG RIỀNG

Huỳnh Minh Giàu

Phụ lục

KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

DỰ TOÁN MUA SẮM: Mua sắm hoá chất và vật tư xét nghiệm bổ sung theo hình thức chào giá trực tuyến rút gọn năm 2026

(Kèm theo Quyết định số: 966 /QĐ-TTYT ngày 16 tháng 11 năm 2026 của Trung tâm Y tế Giồng Riềng)

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (VNĐ)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức LCNT	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Trung tâm Y tế Giồng Riềng	Mua sắm hoá chất và vật tư xét nghiệm bổ sung theo hình thức chào giá trực tuyến rút gọn năm 2026	Lựa chọn nhà thầu cung cấp Mua sắm hoá chất và vật tư xét nghiệm bổ sung theo hình thức chào giá trực tuyến rút gọn	461,682,000	Nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc nguồn thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước được cấp có thẩm quyền giao cho Trung tâm Y tế Giồng Riềng	Chào giá trực tuyến rút gọn		20 ngày	Quý IV năm 2026	Trọn gói	03 tháng	Không
Tổng giá gói thầu		**461,682,000VND (Bằng chữ *Bốn trăm sáu mươi một triệu, sáu trăm tám mươi hai ngàn đồng).***										

SỞ Y TẾ TỈNH AN GIANG
TRUNG TÂM Y TẾ GIỒNG RIỀNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
MUA SẮM HOÁ CHẤT VÀ VẬT TƯ XÉT NGHIỆM BỔ SUNG THEO HÌNH THỨC CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN RÚT GỌN NĂM 2026

(kèm theo Quyết định số: 3CC/QĐ-TTYT ngày 1C tháng 11 năm 2026 của Trung tâm Y tế Giồng Riềng)

STT	Tên thiết bị y tế (vật tư y tế)	Thông số kỹ thuật	Tiêu chuẩn chất lượng	ĐVT	Giá kế hoạch	Số lượng	Thành tiền
1	LDH	Reagent 1 Buffer : Imidazol: 65 mmol/L; Pyruvate: 0.6 mmol/L Reagent 2 Substrate NADH: 0.18 mmol/L	ISO hoặc CE hoặc tương đương	ML	25,000	900	22,500,000
2	ue NS1 Antigen Rapid Test Ca	Định tính phát hiện kháng nguyên NS1 (virus Sốt xuất huyết Dengue). Mẫu bệnh phẩm: Máu toàn phần, Huyết Tương/ Huyết Thanh - Độ nhạy ≥ 99.2%. - Độ đặc hiệu: 100% - Độ chính xác ≥ 99.6% - Ngưỡng phát hiện: ≤2ng/ml - Độ ổn định: 100%. - Độ lặp lại: 100%.	ISO hoặc CE hoặc tương đương	Test	85,000	290	24,650,000
3	hất xét nghiệm định lượng Fibr	Hóa chất đông máu Fibrinogen Thành phần: R1: Bovine thrombin ≈ 100 NIH u/ml, R2: Imidazole Buffer, Sodium azide; R3: Caolin Solution	ISO hoặc CE hoặc tương đương	ML	115,000	8	920,000
4	nội kiểm xét nghiệm đông má	Hóa chất đông máu COAGULATION NORMAL CONTROL.Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu để kiểm chuẩn các xét nghiệm đông máu: PT, APTT, Fibrinogen.	ISO hoặc CE hoặc tương đương	ML	600,000	8	4,800,000
5	QC khí máu	Chất nội kiểm level 1/2/3 dùng để kiểm chứng các giá trị khí máu pH, pCO2, pO2 cùng các giá trị ion đồ Na/K/Cl/Ca.	ISO hoặc CE hoặc tương đương	Bộ	1,350,000	3	4,050,000
6	nhanh định tính Multi 5 Drug	Phát hiện định tính nhóm các chất gây nghiện trong nước tiểu. - Mẫu bệnh phẩm: Nước tiểu. Ngưỡng phát hiện: + Amphetamine (AMP): ≤1 000 ng/ml + Marijuana (THC): ≤50 ng/ml + Morphine (Nhóm thuốc phiện): ≤300 ng/ml + Codeine (Nhóm thuốc phiện): ≤300 ng/ml + Heroin (6- Monoacetylmorphine -nhóm thuốc phiện): ≤10 ng/ml - Độ nhạy ≥ 99.8%. - Độ đặc hiệu ≥ 99.6%. - Độ chính xác ≥ 99.7% - Độ lặp lại: 100% - Độ ổn định: 100%.	ISO hoặc CE hoặc tương đương	Test	85,000	1800	153,000,000
7	Toxocara canis IgG ELISA bá	Bộ xét nghiệm định tính kháng thể IgG kháng giun đũa chó Toxocara canis là xét nghiệm hấp thụ miễn dịch liên kết enzym (ELISA) để xác định phát hiện kháng thể lớp IgG với Toxocara canis trong huyết thanh hoặc huyết tương người.	ISO hoặc CE hoặc tương đương	Hộp	5,700,000	4	22,800,000

8	Hóa chất rửa hệ thống Wash Buffer	Thành phần chính: Trimethylaminomethane (18.25 g/L), Sodium chloride (58.44 g/L), Tween-20 (5.00 g/L), ProClin950 (5.00 g/L) - Đặc điểm hiệu suất: + Ngoại quan: mỗi thành phần phải đầy đủ. Dung dịch phải trong suốt, không có kết tủa, hạt hoặc cặn lơ lửng, và không bị rò rỉ + Độ pH: pH = 7.60±0.15 + Giá trị nền RLU: Giá trị phát quang nền RLU phải nhỏ hơn 7000	ISO hoặc CE hoặc tương đương	ML	1,155	54000	62,370,000
9	Hóa chất rửa kim	Thành phần chính: Sodium hypochlorite (NaClO) 0.4% - 0.5%	ISO hoặc CE hoặc tương đương	ML	42,000	540	22,680,000
10	a chất nội kiểm nước tiểu (2 le	Hóa chất nội kiểm nước tiểu gồm 2 mức nồng độ và sẵn dùng để kiểm soát chất lượng phân tích mẫu nước tiểu thông thường. Đo các chỉ số: Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose hoặc tương đương	ISO hoặc CE hoặc tương đương	ML	75,000	40	3,000,000
11	Chất kiểm tra 2 nồng độ	Chất nội kiểm 2 nồng độ dùng để kiểm chứng các giá trị ion chạy trên máy xét nghiệm điện giải. Thành phần và nồng độ: - Dung dịch muối, chất đệm, albumin bò và chất bảo quản. Và không chứa huyết thanh người.	ISO hoặc CE hoặc tương đương	ML	175,000	20	3,500,000
12	Dung dịch Lyse giải Bạch cầu	Thành phần: Chất tẩy rửa< 2.2 %; Chất đệm < 0.8 %; Chất bảo quản< 0.4 %; Chất ổn định < 0.4 %; Nước không có ion	ISO hoặc CE hoặc tương đương	Lít	1,500,000	25	37,500,000
13	thử phân tích nước tiểu 11 thô	Dùng cho các máy phân tích nước tiểu có bước sóng 525 nm và 635 nm hoặc tương đương, có thể đọc bằng mắt. Đo các chỉ số : Leukocytes, Nitrite, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose, Ascorbic Acid (LEU/ NIT/ URO/ PRO/ pH/ BLO/ SG/ KET/ BIL/ GLU/ ASC).	ISO hoặc CE hoặc tương đương	Que	6,300	2000	12,600,000
14	Bilirubin TOTAL	Hóa chất phân tích sinh hóa Toltal Bilirubin: Thành phần: + R1: Surfactants: <1%; Hydrochloric acid (HCl) ≥160mM ; + R2: 2,4-DPD ≥2 mM; Hydrochloric acid (HCl): ≥120mM; Surfactant <1% Dải đo: từ 0.1mg/dL đến ≤ 30mg/dL	ISO hoặc CE hoặc tương đương	ML	14,000	200	2,800,000
15	ất xét nghiệm thời gian Thromb	Hóa chất đông máu PT Test: Prothrombin Test Thành phần: PT: Thromboplastin não thỏ, calcium chloride, chất ức, chế heparin và chất bảo quản. Đông khô.	ISO hoặc CE hoặc tương đương	ML	115,000	320	36,800,000
16	Glucose	Hóa chất phân tích sinh hóa Glucose + Thành phần: - R1: Tris pH 8.25: 92 mmol/l; Phenol: 0.3 mmol/l - R2: Glucose oxidase: 15000 U/L; Peroxidase: 1000 U/L; 4-Aminophenazone: 2.6 mmol/l + Loại mẫu: huyết tương, huyết thanh, dịch não tủy Hoặc tương đương	ISO hoặc CE hoặc tương đương	ML	4,000	4800	19,200,000
17	Ure	Hóa chất phân tích sinh hóa UREA - R1 Buffer: TRIS pH 7,8: 80 mmol/L; α-Ketoglutarate: 6 mmol/L; Urease 75000 U/L -R2 Enzymes: GLDH: 60000 U/L; NADH: 0,32 mmol/L	ISO hoặc CE hoặc tương đương	ML	11,000	2592	28,512,000
						Tổng cộng	**461,682,000**

TRUNG TÂM Y TẾ GIỒNG RIỀNG

GIÁM ĐỐC

Huỳnh Minh Giàu